

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/9/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Bùi Lê Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 624/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hữu Tuấn A, sinh năm 1971. Địa chỉ: 78 Lý Nam Đ, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Tường V, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 78 Lý Nam Đ, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn ông Trần Hữu Tuấn A trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu Tuấn A và bà Hoàng Thị Tường V quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 21/5/2006. Sau khi chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không hòa thuận. Những năm gần đây bà V thường bỏ nhà đi và không sống chung với chồng và các con. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân được 02 năm. Đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên đã làm đơn thuận tình ly hôn gửi đến Tòa án nhưng bà V không đến làm việc vậy nên ông Anh làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà V.

[2] Về con chung: Ông Trần Hữu Tuấn A và bà Hoàng Thị Tường V xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là cháu Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 12/03/2007; cháu Trần Hoàng Thảo L, sinh ngày 19/07/2012; cháu Trần Hoàng Cẩm V, sinh ngày 23/06/2015. Ông Tuấn A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Hữu Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Hữu Tuấn A, xử cho ông Trần Hữu Tuấn A được ly hôn với bà Hoàng Thị Tường V.

- Về con chung: Giao cả 03 con là cháu Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 12/03/2007; cháu Trần Hoàng Thảo L, sinh ngày 19/07/2012; cháu Trần Hoàng Cẩm V, sinh ngày 23/06/2015 đến tuổi trưởng thành. Bà V không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị Tường V đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Hoàng Thị Tường V không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của ông Trần Hữu Tuấn A, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương nơi ông A, bà V sinh sống và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ông Trần Hữu Tuấn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 21/5/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà V không có trách nhiệm với gia đình bà thường bỏ đi không bàn bạc với chồng con. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà V vẫn không đến Toà án làm việc. Điều này thể hiện bà V không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Phía ông Trần Hữu Tuấn A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Trần Hữu Tuấn A và bà Hoàng Thị Tường V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Anh xin ly hôn với bà V là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Hữu Tuấn A.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 12/03/2007; cháu Trần Hoàng Thảo L, sinh ngày 19/07/2012; cháu Trần Hoàng Cẩm, sinh ngày 23/06/2015. Ông Tuấn A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Dựa trên lời khai của cả 03 cháu và tình hình hiện tại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu Tuấn A.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Hữu Tuấn A khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hữu Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Tuấn A.

- Về hôn nhân: Ông Trần Hữu Tuấn A được ly hôn với bà Hoàng Thị Tường V.

- Về việc nuôi con chung: Giao 03 cháu Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 12/03/2007; cháu Trần Hoàng Thảo L, sinh ngày 19/07/2012; cháu Trần Hoàng Cẩm V, sinh ngày 23/06/2015 cho ông Trần Hữu Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Hoàng Thị Tường V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Hoàng Thị Tường V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Hữu Tuấn A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006357 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh T.T.Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

